

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày: 10-8-2023
V/c “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Phương;

Ông Bùi Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn – Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Thanh T, sinh năm: 1983; nơi cư trú: thôn a, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị M D, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Anh T có mặt, chị M D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Thanh T trình bày thì:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 15/4/2022 chị M D có vay của anh số tiền 450.000.000 đồng, hẹn đến ngày 19/5/2022 sẽ trả đủ, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lãi suất ngân hàng. Khi vay chị M D có viết giấy vay tiền. Đến

hạn nhưng chị M D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 19/5/2022 chị M D viết tiếp giấy vay tiền và hạn đến ngày 15/6/2022 sẽ trả anh số tiền trên. Sau khi chị M D viết giấy vay tiền ghi ngày 19/5/2022 thì hai bên thống nhất hủy (xé bỏ) giấy vay tiền ghi ngày 15/4/2022 nên không còn giấy vay tiền này. Giấy vay tiền ghi ngày 19/5/2022 là chữ viết, chữ ký ghi họ tên, điểm chỉ của chị M D, anh chỉ ký, ghi họ tên tại mục người cho vay. Mục đích chị M D vay tiền của anh là để mua đất và làm nhà. Đến hạn là ngày 19/6/2022 nhưng chị M D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu.

Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị M D có trách nhiệm trả cho anh số tiền là 501.294.000 đồng (Trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 450.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 19/5/2022 tính đến ngày 11/7/2023 là 13 tháng 22 ngày = 51.294.000 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi xét xử xong vụ án.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời trình bày của bị đơn chị M D thì: Chị và anh Vũ Thanh T quen biết nhau ngoài xã hội. Chị có môi giới bất động sản và thừa nhận có nhận của anh T số tiền 300.000.000 đồng anh T yêu cầu chị viết giấy vay tiền vào ngày 15/4/2022 với số tiền vay là 450.000.000 đồng bao gồm cả tiền lãi, hạn đến ngày 19/5/2022 sẽ trả nhưng do giấy vay tiền ghi ngày 15/4/2022 anh T làm mất nên vào ngày 19/5/2022 là ngày chị phải trả nợ cho anh T nhưng chưa trả được nên anh T yêu cầu chị viết lại giấy vay tiền. Giấy vay tiền ghi ngày 19/5/2022 mà Tòa án cung cấp cho chị xem là chữ do chị tự viết, ký tên, điểm chỉ. Khi chị viết giấy vay tiền này thì anh T yêu cầu chị viết chữ anh T không ép buộc hay đe dọa gì để buộc chị phải viết giấy vay tiền này. Bản phô tô căn cước công dân mà anh T cung cấp cho Tòa đúng là căn cước công dân của chị, bản chính căn cước công dân của chị đã đưa cho người khác giữ nên chị không phô tô công chứng để cung cấp cho Tòa án được.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng thì chị đồng ý trả cho anh T số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng vì chị không chứng minh được, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 150.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng mà chị đã nhận của anh T và đồng ý trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng theo yêu cầu khởi kiện của anh Tiến.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên hòa giải; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị M D nhưng chị M D không đến Tòa làm việc. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì chị M D mới đến Tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M D có trách nhiệm trả số tiền 505.000.000

đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 450.000.000 đồng, tiền nợ lãi kể từ ngày 19/5/2022 đến ngày 10/8/2023 là 14 tháng 22 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng là 55.029.000 đồng nhưng chỉ yêu cầu chị M D trả tiền lãi làm tròn là 55.000.000 đồng).

Chị M D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng bị đơn là bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc chị M D có trách nhiệm trả cho anh T số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và tiền lãi làm tròn là 55.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc chị M D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán; hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu chị M D thanh toán nợ vay nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, bị đơn chị M D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Đối với yêu cầu của anh T buộc chị M D trả số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng thì thấy rằng: Tại giấy vay tiền ghi ngày 19/5/2022 chị M D có vay của anh T số tiền 450.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận, thời hạn trả nợ vào ngày 15/6/2022 nhưng đến hạn chị M D chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Chị M D thừa nhận chữ viết, chữ ký, dấu lấn tay trong giấy vay tiền ghi ngày 19/5/2022 là chữ viết, chữ ký, ghi họ tên, điểm chỉ là của chị M D. Chị

M D cho rằng chỉ nhận số tiền 300.000.000 đồng của anh T nhưng không có chứng cứ chứng minh. Anh T yêu cầu chị M D trả số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng, chị M D đồng ý trả cho anh T số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của anh T là cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu của anh T buộc chị M D trả lãi thì thấy rằng: Do trong giấy vay tiền ghi ngày 19/5/2022 không ghi mức lãi suất cụ thể mà chỉ ghi lãi suất hai bên thỏa thuận. Nay anh T yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính tiền lãi kể từ ngày 19/5/2022 đến ngày 10/8/2023 là 14 tháng 22 ngày là 55.029.000 đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh T chỉ yêu cầu chị M D trả số tiền lãi làm tròn là 55.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án, chị M D cũng đồng ý trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi này của anh T.

Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T; buộc chị M D phải trả cho anh T số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và 55.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là 505.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Chị M D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán. Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự tài sản*” đối với chị M D, xử:

1. Buộc chị M D có trách nhiệm trả cho anh Vũ Thanh T số tiền 505.000.000 (*Năm trăm linh năm triệu*) đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 450.000.000 (*Bốn trăm năm mươi triệu*) đồng, tiền lãi là 55.000.000 (*Năm mươi lăm triệu*) đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị M D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Buộc chị M D phải chịu 24.200.000 (*Hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Vũ Thanh T số tiền 11.871.500 (*Mười một triệu tám trăm bảy mươi một nghìn năm trăm*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0014002 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Riêng chị M D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (*Mười lăm*) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Chiến